

Tiết 31 :

TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I (Khối :12)

A/ Mục tiêu cần đạt :

1/Kiến thức:

- Kiến thức liên quan đến đọc hiểu văn bản.
- Giúp hs nắm yêu cầu của bài văn nlvh.
- Học sinh thấy được những mặt được và chưa được của bài làm mình, từ đó biết cách khắc phục để bài viết sau đạt khá, tốt.

2/Kĩ năng:

- Viết bài văn nlvh.
- Học hỏi từ bài làm của bạn, thầy cô.

3/Thái độ :

- Thái độ đúng đắn với kết quả bài làm.
- Biết nhận ra ưu điểm và hạn chế bản thân...

4/Năng lực:

a.Năng lực chung:Hợp tác để có kết quả tốt.
Thu thập kiến thức...

b.Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực viết văn nghị luận
- Năng lực suy xét vấn đề...

II/Chuẩn bị :

1/GV: Thiết kế tiết trả bài,bài làm hs,stk

2/HS:Bài làm,...

III/Tổ chức hoạt động dạy học:

1/ Ổn định lớp.

2/ Thực hiện việc trả bài và sửa bài:

HĐ của GV	HĐ của HS	Nội dung cần đạt
HD1: Giúp hs xác định yêu cầu đề ở phần đọc hiểu.	HS làm việc cá nhân	<u>I Đọc hiểu</u> (Đã có phần HDC)
HD 4: Giúp HS xác định yêu cầu viết bài văn NLVH : - Từ đề, bài viết đã làm em	HS nêu yêu cầu ht,nd HS: Xác định	<u>II / Xác định yêu cầu bài văn.</u> 1/ Thể loại: nl vh 2/ Nội dung : Điểm giống nhau và khác nhau giữa hai đoạn trích. 3/ Tư liệu : Tg, tp, đoạn trích 4/Thao tác:gt, pt,bình luận... <u>V/ Xây dựng dàn ý bài viết</u> MB: Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận. TB: Triển khai vấn đề cần nghị luận của mình. - c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết. - Xác định được ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:

hãy cho biết tl, nội dung, tư liệu để thực hiện bài làm. HD 5: Giúp hs nắm dần ý cho đoạn văn NLVH. - Yêu cầu hs đưa ra dần ý? GV : Nhận xét đưa ra dần ý chung	thể loại, tư liệu thực hiện. HS thể hiện cặp đôi trình bày dần ý HS lắng nghe , ghi chép HS : Chú ý HS trả lời. Hs : Lắng nghe ghi chép.	* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: So sánh, đánh giá hai đoạn trích <i>Đứa con đầu lòng</i> của Thạch Lam và <i>Người dung làm má</i> của Nguyễn Ngọc Tư. * Triển khai vấn đề nghị luận - Phân tích điểm tương đồng của hai tác phẩm. - Về nội dung: Cả hai đoạn trích đều khai thác đề tài tình cảm gia đình trong mối quan hệ giữa mẹ hoặc cha và con cái. - Về nghệ thuật: Cả hai đoạn trích đều sử dụng ngôi kể thứ ba để mô tả tâm lý nhân vật, từ đó dễ dàng thể hiện những mâu thuẫn nội tâm phức tạp của người mẹ và người cha. - Phân tích điểm khác biệt của hai tác phẩm: - Về nội dung: Chủ đề: Trong <i>Đứa con đầu lòng</i>, chủ yếu là sự thay đổi trong tình cảm của người cha, còn trong <i>Người dung làm má</i>, mâu thuẫn chủ yếu xoay quanh sự lựa chọn giữa gia đình và nghề nghiệp, khi người mẹ phải từ bỏ đứa con để theo đuổi ước mơ. - Về nghệ thuật: Giọng điệu và ngôn ngữ: Thạch Lam sử dụng giọng điệu nhẹ nhàng, thanh thoát với sự quan sát tinh tế về tâm lý nhân vật, đặc biệt là trong các đoạn miêu tả sự thay đổi trong tình cảm của Tân. Nguyễn Ngọc Tư, ngược lại, sử dụng giọng điệu sâu sắc và đầy cảm xúc, phản ánh sự mâu thuẫn nội tâm giằng xé mạnh mẽ của người mẹ. * Lý giải sự tương đồng và khác biệt - Sự tương đồng: Cả hai đoạn trích đều khai thác sâu sắc chủ đề tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm cha mẹ dành cho con cái. Dù biểu hiện qua các hoàn cảnh và cảm xúc khác nhau cả hai tác phẩm đều thể hiện tình yêu thương, sự trăn trở và thay đổi trong nội tâm nhân vật khi đối diện với vai trò làm cha, làm mẹ. - Sự khác biệt: Xuất phát từ bối cảnh xã hội; quan điểm, cách tiếp cận nghệ thuật; phong cách viết của hai nhà văn. + Bối cảnh xã hội: . Thạch Lam sống trong thời kỳ xã hội còn nhiều khuôn khổ, nơi vai trò gia đình được đề cao. . Nguyễn Ngọc Tư thuộc thế hệ hiện đại, với những thay đổi lớn về vai trò của người phụ nữ và sự mâu thuẫn giữa truyền thống và hiện đại. + Quan điểm, cách tiếp cận nghệ thuật, phong cách viết. . Thạch Lam phản ánh một gia đình trung lưu thành thị thời kỳ nửa đầu thế kỷ XX, nơi cuộc sống gia đình gắn liền với sự hòa hợp và bình yên. Giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, tập trung vào những rung động nội tâm và mô tả sự ám áp của cuộc sống gia đình. Tác phẩm mang hơi hướng lãng mạn và trữ tình. . Nguyễn Ngọc Tư viết về một vùng quê Nam Bộ đậm chất đời thường, nơi nhân vật chị Diệu phải chọn giữa gia đình và khát vọng cá nhân. Tình cảm
--	--	---

HD6: GV thông qua đáp án, biểu điểm . HD7: Gv cần giúp hs thấy được ưu + nhược điểm bài làm. Chỉ ra lỗi và chữa lỗi. Bài làm của em ... ntn? GV: lần lượt chỉ ra ưu ,khuyết chung cho bài viết. -Sau đó chỉ ra lỗi và sửa các loại lỗi. HD8: GV cho các hs chấm bài nhau .	mẹ con bị giằng xé bởi những mâu thuẫn hiện đại: ước mơ, sự nghiệp và trách nhiệm làm mẹ. Giọng văn phẳng phát nổi buồn và sự trăn trở của con người hiện đại. * Đánh giá chung - Sự tương đồng giữa hai đoạn trích tạo nên một cái nhìn thống nhất về tình cảm gia đình. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các đoạn trích lại thể hiện sự đa dạng trong phong cách sáng tác của Thạch Lam và Nguyễn Ngọc Tư, qua đó khẳng định tài năng và cá tính riêng của tác giả.	
	KB: Nêu ý nghĩa vấn đề VI/ Đọc đáp án .(Đã có phần trước) VII/ Nhận xét, chữa lỗi bài làm hs . <u>1/ Nhận xét chung:</u> - Ưu: Xác định thể loại, nắm kiểu bài , biết viết đoạn, bài văn làm rõ vấn đề - Nhược:Bài viết sơ sài .Chưa xác định luận điểm, luận cứ...Diễn đạt vụng, tối nghĩa . <u>2/ Chữa lỗi:</u> a/ Chữa lỗi dùng từ, chính tả,từ đúng nghĩa, từ dùng có tính chất linh hoạt... b/ Chữa lỗi ngữ pháp: Câu rõ nghĩa, chấm câu, câu đầy đủ thành phần, các thành phần c/ Chữa lỗi diễn đạt: Phải rõ nghĩa ,trôi chảy tránh sự vụng về . Khi trình bày không được gạch đầu dòng. d/ Lỗi về nội dung: Xác định được vấn đề nghị luận,từ đó làm rõ vấn đề nghị luận . <u>3/Kết quả chung;</u> 12/1: TTB= , DTB= 12/7 VIII/Đối chiếu bài làm: Giữa các hs trong lớp. IX/ Đọc bài viết hay + tư liệu (nếu có) GV đọc mẫu các đoạn văn bài viết hay HS nghe (có thể ghi chép)	

HD9: Đọc bài viết hay để giúp hs học hỏi, bổ sung kiến thức .	HS 2 tổ ngồi gần đôi bài, đọc-cho điểm. HS lắng nghe, ghi chép nếu cần .	
--	---	--

IV/Hướng dẫn học bài:

- Cách thức làm đoạn văn nl xh,bài văn nghị luận vh?
- Chuẩn bị bài học

V/Rút kinh nghiệm

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] Một trong những điều tử tế của chúng ta trong quan hệ với mọi người là giữ được đức tính khiêm tốn của bản thân mình. Tuy nhiên, nhiều người thường đánh đồng đức tính khiêm tốn với sự yếu đuối. Thật ra phải nói ngược lại mới đúng. Khiêm tốn như thói nam châm thu hút thiện chí của mọi người và làm nên giá trị của con người.

Khiêm tốn không phải là một hành động, mà là một thái độ. Đó là thái độ biết tôn trọng người khác hơn là đề cao bản thân. Người khiêm tốn là người biết lắng nghe một cách chân thành. Họ quan tâm đến người khác mà không bận tâm đến các yếu tố xung quanh như địa vị, sang hèn, thành công, thất bại... Đối với họ, lắng nghe để hiểu tâm tư tình cảm, hoàn cảnh của người khác là một mong muốn tự thân, là một quá trình của cảm xúc chứ không phải chỉ là một hành động đơn thuần biểu hiện ra bên ngoài. [...]

(Trích Điều kì diệu của thái độ sống – Mac Anderson- ThuVienSach.vn- Nxb Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh)

Trả lời các câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: (1.0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: (1.0 điểm) Theo tác giả, một trong những điều tử tế của chúng ta trong quan hệ với mọi người là gì?

Câu 3: (1.0 điểm) Việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong câu: *Khiêm tốn như thói nam châm thu hút thiện chí của mọi người và làm nên giá trị của con người* có tác dụng như thế nào?

Câu 4: (1.0 điểm) Từ đoạn trích trên, anh/chị rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm).

Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về sự cần thiết phải có đức tính khiêm tốn ở thế hệ trẻ.

Câu 2. (4,0 điểm).

Viết bài văn (600 chữ) so sánh hai đoạn thơ sau:

Thơ tình người lính biển (Trần Đăng Khoa)	Cuộc chia ly màu đỏ (Nguyễn Mỹ)
Anh ra khơi Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng Biển một bên và em một bên Biển ồn ào, em lại dịu êm Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ	[...]Tôi nhìn thấy một cô áo đỏ Tiễn đưa chồng trong nắng vườn hoa Chồng của cô sắp sửa đi xa Cùng đi với nhiều đồng chí nữa Chiếc áo đỏ rực như than lửa Cháy không nguôi trước cảnh chia ly Vườn cây xanh và chiếc nón trắng kia

Anh như con tàu lẳng sóng từ hai phía Biển một bên và em một bên Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc Thăm thẳm nước trời, nhưng anh không cô độc Biển một bên và em một bên [...]	Không giấu nổi tình yêu cô rực cháy. Không che được nước mắt cô đã chảy Những giọt long lanh nóng bỏng, sáng ngời Chảy trên bình minh đang hé giữa làn môi Và rạng đông đang bùng trên nét mặt - Một rạng đông với màu hồng ngọc –[...]
---	--

Chú thích:

- Trần Đăng Khoa sinh năm 1958, quê ở Hải Dương, là một nhà thơ, nhà báo. Ông được mệnh danh là "Thần đồng thơ trẻ". Nhà thơ Trần Đăng Khoa bắt đầu sáng tác từ rất sớm, năm 8 tuổi ông đã có một số sáng tác được in trên báo. Thơ của ông không chỉ tươi trẻ và trong sáng mà còn sắc sảo, giống như những bài đồng dao với cách viết chữ uyển chuyển và lời cuốn. Trong những tác phẩm của ông, âm nhạc không chỉ là giai điệu của tâm hồn mà còn có khả năng tạo hình và tạo nghĩa rất tinh tế. Những tác phẩm chính của Trần Đăng Khoa: "Góc sân và khoảng trời" (thơ, tái bản nhiều lần), "Khúc hát người anh hùng" (trường ca, năm 1974), "Bên cửa sổ máy bay" (thơ, năm 1986), "Thơ tuyển Trần Đăng Khoa" (năm 1970),..

"Thơ tình người lính biển" được nhà thơ Trần Đăng Khoa sáng tác năm 1981, khi ông đang là lính hải quân. Bài thơ nói về sự chia tay giữa người lính hải quân với người yêu trên bến cảng.

- Nguyễn Mỹ (1935 - 1971) quê tại Phú Yên. Nguyễn Mỹ gia nhập quân đội từ khi mới 16 tuổi, chiến đấu tại chiến trường Nam Trung bộ. Năm 1954 tập kết ra Bắc, làm nhạc công trong đoàn văn công Tây Nguyên, đi học trường báo chí rồi về làm biên tập sách ở NXB Phổ Thông. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Trận Quán Cau* (1954), *Cuộc chia ly màu đỏ* (thơ in chung, 1980), *Thơ Nguyễn Mỹ* (32 bài, có 17 bài di cảo, 1993).

Bài thơ "Cuộc chia ly màu đỏ" được viết vào năm 1964, năm đầu tiên giặc Mỹ đem máy bay đánh phá miền Bắc. Chiến trường miền Nam đang đánh và thắng lớn, kêu gọi lớp lớp thanh niên lên đường vào mặt trận. Những cuộc chia tay, tiễn đưa người lính ra chiến trường diễn ra từng ngày, từng giờ, làm xao xuyến trái tim thi sĩ.

----- **HẾT** -----

(Hướng dẫn chấm gồm có 06 trang)

GỢI Ý ĐÁP ÁN- HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức Nghị luận/ Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	2	Theo tác giả, một trong những điều tử tế của chúng ta trong quan hệ với mọi người là giữ được đức tính khiêm tốn của bản thân mình. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	3	*Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn: - Làm cho câu văn có tính hình tượng và sinh động hơn. - Nhấn mạnh và giúp người đọc hiểu rõ vai trò và ý nghĩa của đức tính khiêm tốn. Hướng dẫn chấm: - Trả lời y như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Học sinh tự do bày tỏ quan điểm, miễn là hợp lí. Một số gợi ý: - Cần phải khiêm tốn. - Biết lắng nghe, hiểu và chia sẻ với mọi người. - ... Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời sơ sài : 0,25 điểm - Không trả lời: 0,0 điểm. <i>Lưu ý: Câu này GV linh hoạt cho điểm</i>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về sự cần thiết phải có đức tính khiêm tốn ở thế hệ trẻ.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Bàn về sự cần thiết phải có đức tính khiêm tốn ở thế hệ trẻ.	0,25
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> Sau đây là một số gợi ý: * Giải thích: Khiêm tốn là gì? * Bàn luận: - Khiêm tốn là một đức tính cần thiết mà mỗi người cần rèn luyện, đặc biệt là ở thế hệ trẻ. - Là nền tảng để chúng ta đạt được những thành công bền vững và ý nghĩa trong cuộc đời. - Giúp chúng ta luôn biết nhìn nhận bản thân một cách khách quan từ đó xây dựng mối quan hệ tốt đẹp trong xã hội; ... * Mở rộng: - Cần phân biệt khiêm tốn với tự ti. - Người không có tính khiêm tốn sẽ dễ sinh ra tự phụ, chủ quan... * Suy nghĩ của bản thân/ bài học rút ra Hướng dẫn chấm: - Học sinh đề xuất và sắp xếp hợp lý từ 02 ý trở lên: 0,5 điểm. - Học sinh đề xuất 01 ý: 0,25 điểm. - Học sinh không đề xuất hoặc trả lời không đúng yêu cầu: 0,00 điểm	0,5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng: 0,5 điểm - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục; lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp: 0,25 điểm	0,5
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.	0,25

2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn thơ: Thơ tình người lính biển (Trần Đăng Khoa) và Cuộc chia ly màu đỏ (Nguyễn Mỹ).	4,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Điểm giống nhau và khác nhau giữa hai đoạn thơ: Thơ tình người lính biển (Trần Đăng Khoa) và Cuộc chia ly màu đỏ (Nguyễn Mỹ). Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i> - Xác định được ý chính của bài viết. - Sắp xếp các ý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: - Điểm tương đồng giữa hai đoạn thơ: + Về nội dung: Đề tài: Tình yêu người lính. Chủ đề: Ca ngợi tình yêu người lính. Cảm xúc chủ đạo: Nỗi buồn, nỗi nhớ. + Về nghệ thuật: Thể thơ: Tự do. Giọng điệu: Da diết, trầm buồn. - Điểm khác biệt giữa hai đoạn thơ: <i>Về nội dung:</i> + Khác nhau về cảm xúc, sắc thái của nỗi buồn: Sự nhẹ nhàng, tĩnh lặng trong cảm xúc của người lính biển (Trần Đăng Khoa). Sự dữ dội, mãnh liệt trong cảm xúc của người vợ tiễn chồng trong cuộc chia ly màu đỏ (Nguyễn Mỹ). + Khác nhau trong hình ảnh chủ đạo, trong việc làm nổi bật tư tưởng, tình cảm của 2 bài thơ: Hình ảnh "Biển một bên và em một bên" trong bài thơ “Thơ tình người lính biển” của Trần Đăng Khoa – sự cân bằng, nhẹ nhàng của tình yêu và trách nhiệm, là biểu tượng của sức mạnh của tình yêu. Hình ảnh “chiếc áo đỏ” trong bài “Cuộc chia ly màu đỏ” của Nguyễn Mỹ – sự cháy bỏng, khắc khoải của tình yêu và nỗi đau chia ly. ➔ cách thức khắc họa cảm xúc, tư tưởng rất khác nhau, tạo nên hai phong vị đặc trưng, một trầm lắng và một mãnh liệt. <i>Về nghệ thuật:</i> + Từ ngữ, hình ảnh:	1,0

	“Thơ tình người lính biển” sử dụng ngôn ngữ, hình giàu chất lãng mạn, nhẹ nhàng với nhịp điệu chậm rãi, trầm lắng tạo cảm giác tĩnh lặng và suy tư sâu lắng. “Cuộc chia ly màu đỏ” lại sử dụng ngôn ngữ mạnh mẽ, trực diện, với những hình ảnh giàu tính biểu cảm tạo nên sự căng thẳng, dữ dội về cảm xúc. + Bút pháp nghệ thuật: “Thơ tình người lính biển” của nhà thơ Trần Đăng Khoa xuyên suốt bài thơ là biện pháp điệp cấu trúc “Biển một bên và em một bên” làm hiện lên hình ảnh biển và em luôn tồn tại song song, khăng khít, không bao giờ tách rời như tình yêu Đất Nước và tình yêu em. “Cuộc chia ly màu đỏ” của nhà thơ Nguyễn Mỹ nổi bật với biện pháp so sánh và ẩn dụ “Chiếc áo đỏ rực như than lửa” bộc lộ tình yêu, sự đau đớn tột cùng của người vợ với người chồng của mình. - Lí giải sự tương đồng và khác biệt: + Lí giải sự tương đồng: Chủ đề ca ngợi tình yêu là chủ đề quen thuộc, mang tính biểu tượng khi viết về tình yêu. Bởi thời nào cũng vậy, tình yêu luôn là thứ tuyệt vời và thiêng liêng, để rồi mỗi khi nhà thơ chấp bút viết nên những vần thơ đều dành một khoảng trời nhỏ để ca ngợi nó + Lí giải sự khác biệt: Sự khác nhau trong cảm xúc nhẹ nhàng và mạnh mẽ khi chia xa người yêu trong hai đoạn thơ là sự khác nhau của điểm nhìn và hoàn cảnh. * Đánh giá: - Dù khác hay giống nhau thì cả hai bài thơ đều thật xuất sắc khi tái hiện vẻ đẹp sâu sắc của tình yêu trong thời chiến. - Cả hai bài thơ là những vần thơ viết lên nỗi đau chia ly, một nỗi đau không thể tránh khỏi khi người ở lại và kẻ ra đi đều phải đối mặt với sự không chắc chắn về tương lai. - Mỗi đoạn thơ mang vẻ đẹp riêng thể hiện tài năng, phong cách độc đáo của mỗi tác giả. Hướng dẫn chấm: - <i>Phân tích đầy đủ nội dung, nghệ thuật, triển khai rõ ràng, mạch lạc: 0,75 điểm - 1,0 điểm</i> - <i>Phân tích được một số nét chính về nội dung, triển khai ý không mạch lạc: 0,5 điểm</i> - <i>Phân tích chung chung, không biết cách triển khai ý: 0,25 điểm</i>	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất hai luận điểm - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	1,5

	Hướng dẫn chấm - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng: 1,5 điểm - Lập luận chưa chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ chưa xác đáng; dẫn chứng chưa tiêu biểu, phù hợp: 1,0 - 1,25 điểm - Lập luận chưa chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ thiếu xác đáng; chưa có sự kết hợp lí lẽ và dẫn chứng: 0,5 – 0,75 điểm - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục; lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp: 0,25 điểm	
	đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo - Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. - Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc,... Hướng dẫn chấm: - Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. - Không cho điểm nếu bài làm không thể hiện sự sáng tạo.	0,5
Tổng điểm: I+II= 10,0		10,0